TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ DẦU** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31-01-2018
V/v "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con*"`

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quãng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Bà Đoàn Thụy Trúc Linh

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 596/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2017 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn và nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2018/QĐST-HN ngày 26 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Dương Thị L, sinh năm: 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, ấp A, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Tạm trú: Ấp Cây Trắc, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 19, ấp A, xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Dương Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2011, có tìm hiểu trước, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Nữ trang ngày cưới gồm có 01 sợi dây chuyền trọng lượng 02 chỉ vàng 24K, 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ vàng 24K,

01 cặp nhẫn cưới trọng lượng 01 chỉ vàng 18K, hiện số nữ trang trên chị và anh bán hết không còn.

Sau khi cưới, chị và anh T sống chung với cha mẹ ruột anh T tại ấp A, xã P, huyện Gò Dầu. Ngày 27-5-2017, chị và anh T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T đánh chị và đuổi chị ra khỏi nhà, anh T thường xuyên uống rượu và cờ bạc gây ra nợ nần, chị nhiều lần khuyên nhưng anh T không chịu thay đổi, từ ngày 27-5-2017 chị bỏ về nhà mẹ ruột sống từ đó chị và anh T ly thân cho đến nay, từ ngày ly thân anh T cũng không gập chị để bàn bạc đoàn tụ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung tên Nguyễn Dương Phương Anh, sinh ngày 19-10-2013, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Anh không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ ai nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày: Anh thừa nhận lời trình bày của vợ là đúng về thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn như vợ anh trình bày là đúng. Từ ngày ly thân đến nay anh bận đi làm xí nghiệp cho nên không có thời gian để năn nỉ vợ về đoàn tụ, nay vợ yêu cầu ly hôn anh không đồng ý, anh xin đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Nếu Tòa cho ly hôn anh đồng ý giao cháu Nguyễn Dương Phương Anh, sinh ngày 19-10-2013 cho vợ nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị L có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Dương Thị L và anh Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị L yêu cầu ly hôn, nguyên nhân do anh T đánh chị và đam mê cờ bạc, rượu chè, chị nhiều lần khuyên nhưng anh T không thay đổi. Chị và anh T đã sống

ly thân từ tháng 05/2017 cho đến nay, trong thời gian ly thân anh chị không bàn bạc việc hàn gắn gia đình. Xét thấy trong thời gian giải quyết vụ án anh T không có thiện chí hàn gắn để được đoàn tụ. Nhận thấy tình cãm giữa chị L và anh T không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị L và anh T ly hôn.

[3] Về con chung: Chị L và anh T đều thống nhất giao chị L được nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị L và anh T khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân và án phí cấp dưỡng theo quy định tại khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Dương Thị L đối với anh Nguyễn Văn T. Chị L được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Chị L được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Dương Phương Anh, sinh ngày 19-10-2013. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh chị khai không có nên không giải quyết.

5. Về án phí: chị L chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình. Được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0012625 ngày 13-10-2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Ghi nhận chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu;
- Các đương sự;
- UBND xã P, huyện Gò Dầu;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Quãng